

Số: 161/2021/QĐST-HNGĐ

H, ngày 06 tháng 05 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ khoản 2 Điều 29, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 212, Điều 213, Điều 396, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 36, Khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 279 /2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 04 năm 2021, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Người yêu cầu: Nguyễn Thị A – sinh năm 198x**

HKTT và Trú tại: Số x tổ 6x tập thể cục vận tải, phường B, quận B, thành phố H.

- **Người cùng yêu cầu: Nguyễn Anh B – sinh năm 198x**

HKTT: Số x tổ 6x tập thể cục vận tải, phường B, quận H, thành phố H.

Trú tại: P70x, tòa x, chung cư phức hợp 31x MK, quận H, thành phố H.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải đoàn tụ không thành ngày 27 tháng 04 năm 2021.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải đoàn tụ không thành ngày 27 tháng 04 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:**

**Chị Nguyễn Thị A            sinh năm 198x**

**Anh Nguyễn Anh B sinh năm 198x**

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

**2.1. Về quan hệ hôn nhân:** Chị A và anh B cùng xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên nhất trí cùng thuận tình ly hôn.

**2.2. Về con chung:** Hai bên xác nhận có 02 con chung:

Nguyễn An C, sinh năm 201x

Nguyễn An D, sinh năm 201x

Khi ly hôn hai bên thống nhất thoả thuận giao cháu C con chung cho anh B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục, giao cháu D cho chị A trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục kể từ khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Hai bên có quyền qua lại, chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

**2.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung:** Khi ly hôn hai bên thống nhất không bên nào phải cấp dưỡng cho bên nào kể từ khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

**2.4. Về tài sản và nhà ở chung:** Hai bên xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết. Nên Tòa án không xét.

**2.5. Về nợ chung:** Hai bên xác nhận không vay nợ ai, cũng không cho ai vay nợ, không yêu cầu giải quyết. Nên Tòa án không xét.

**2.6. Về lệ phí:** Anh B tự nguyện chịu toàn bộ là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí ly hôn được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí anh B đã nộp tại biên lai số AA/2020/001xxxx ngày 20 tháng 04 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự quận H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND phường B, quận B, thành phố H; (Giấy chứng nhận kết hôn số 2x, quyền số 0x/201x, năm 201x)
- Chi cục thi hành án quận H
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**PHẠM XUÂN THỦY**